

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1484**/ĐHV-HCTH

Nghệ An, ngày **01** tháng 12 năm 2023

V/v thông báo kết quả xét sáng kiến
năm 2023

Kính gửi: Trường các đơn vị.

Thực hiện Quy định của Nhà trường về sáng kiến và xét công nhận sáng kiến ban hành kèm theo Quyết định số 2863/QĐ-ĐHV ngày 02/12/2021 của Hiệu trưởng, trong các ngày 28/11/2023 và 01/12/2023, Hội đồng sáng kiến Nhà trường đã họp xét các giải pháp được đề nghị công nhận là sáng kiến của các tác giả, đồng tác giả năm 2023.

Nhà trường thông báo tới toàn thể viên chức, người lao động kết quả họp xét của Hội đồng. Trong thời gian từ ngày 01/12/2023 đến ngày 08/12/2023, các tập thể, cá nhân nếu có ý kiến thì phản ánh về Trường (qua Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, trực tiếp TS. Lê Minh Giang - Phó Trường phòng Hành chính Tổng hợp, điện thoại: 0904.777199).

Sau ngày 08/12/2023, nếu không có ý kiến phản ánh, Nhà trường sẽ ban hành Quyết định công nhận sáng kiến năm 2023.

Nhà trường yêu cầu Trường các đơn vị thông báo tới viên chức, người lao động toàn trường được biết./.

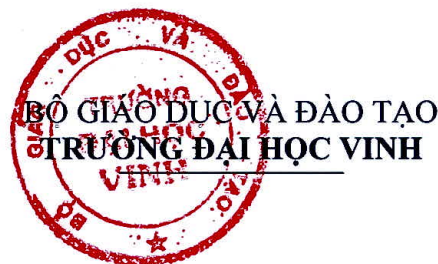
Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Đảng ủy, Hội đồng trường (b/c);
- Lưu: HCTH.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG HCTH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



TS. Lê Minh Giang



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2023

Lĩnh vực: Đào tạo, giảng dạy

(Kèm theo Công văn số **1484** /QĐ-ĐHV ngày **01** /12/2023 của Trường Đại học Vinh)

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
1.	Biên soạn Bài tập Hoá học 11.	PGS.TS. Cao Cự Giác, Phó Trưởng khoa Hoá học (35%)	
2.	Hướng dẫn giáo viên dạy học Hoá học 11.	PGS.TS. Cao Cự Giác, Phó trưởng khoa, Khoa Hoá học (35%)	
3.	Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra môn Hoá học 11.	PGS.TS. Cao Cự Giác, Phó trưởng khoa, Khoa Hoá học (50%)	
4.	Xây dựng hệ thống bài tập nhằm phát triển năng lực tính toán cho học sinh trong dạy học phần “Sulfur và hợp chất sulfur” lớp 11 trung học phổ thông.	ThS. Phan Thị Minh Huyền, Giảng viên Khoa Hóa (32%); TS. Nguyễn Xuân Dũng, Chuyên viên phòng KH&HTQT (35%)	
5.	Nguyễn Thị Thanh Trâm (chủ biên), Hoàng Minh Đạo (2022), Truyền thuyết dân gian về Lê Lợi và khởi Nghĩa Lam Sơn (nghiên cứu & tác phẩm), NXB Đại học Vinh. ISBN: 978-604-923-684-6.	TS. Nguyễn Thị Thanh Trâm, Giảng viên Khoa Ngữ văn (80%)	
6.	Thiết kế, tổ chức dạy học dựa trên dự án chủ đề năng lượng.	TS. Nguyễn Thành Công, Giảng viên khoa Vật lý (100%)	
7.	Giáo trình đại số đại cương.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Loan, Trưởng Khoa Toán (45%)	
8.	Bồi dưỡng đội tuyển Olympic Toán học sinh viên Trường Đại học Vinh đạt giải Nhì và giải Ba cuộc thi Olympic Toán học sinh viên và học sinh toàn quốc năm 2023.	TS. Dương Xuân Giáp, Phó Trưởng khoa, Khoa Toán; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Loan, Trưởng Khoa, Khoa Toán; PGS.TS. Nguyễn Văn Đức, Giảng viên Khoa Toán	

Handwritten signature

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
9.	Đề xuất quy trình dạy học kết hợp trong dạy học mạch kiến thức “Khoa học máy tính” thuộc chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học 2018.	TS. Trần Thị Kim Oanh, Trưởng Khoa Tin học (60%); ThS. Trần Xuân Hào, giảng viên Khoa Tin học (40%)	
10.	Ứng dụng CNTT trong dạy học học phần Tiếng Anh chuyên ngành CNTT theo định hướng phát triển năng lực cho sinh viên trường Đại học Vinh.	ThS. Nguyễn Bùi Hậu, TLĐT, khoa Tin học (33%); TS. Phan Lê Na (34%), Giảng viên khoa Tin (34%) (1); ThS. Phạm Thị Thu Hiền, Chủ tịch CĐ BP, khoa Tin học (33%) (1)	
11.	Lựa chọn phương pháp dạy học phát triển năng lực trong dạy học môn Tin học.	- TS. Phan Lê Na, Giảng viên khoa Tin (34%) (2); ThS. Phạm Thị Thu Hiền, Chủ tịch CĐ BP, khoa Tin học (33%) (2)	
12.	Tổ chức kiểm tra đánh giá kết thúc học phần Phương pháp tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh theo hình thức đồ án.	TS. Nguyễn Thị Thu Hạnh; Phó trưởng khoa; Khoa Giáo dục mầm non (70%)	
13.	Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	TS. Nguyễn Thị Việt Hà, Phó Trưởng khoa Địa lý (50%); TS. Trần Thị Tuyền, Giảng viên khoa Địa lý (50%)	
14.	Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam.	PGS.TS. Nguyễn Thị Trang Thanh, Trưởng khoa Địa lý (60%)	
15.	Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Tâm lý học giáo dục.	PGS. TS. Nguyễn Như An, Trưởng khoa TLGD (50%); TS. Dương Thị Thanh Thanh, Phó Trưởng khoa TLGD (50%)	
16.	Sách tham khảo: Quản lý đào tạo giáo viên trung học phổ thông theo chuẩn đầu ra ở trường Đại học Vinh	TS. Bùi Văn Hùng, Phó trưởng khoa Tâm lý - Giáo dục (70%)	
17.	Lý luận và phương pháp dạy học Sinh học.	TS. Nguyễn Thanh Mỹ, Giám đốc Trung tâm BDNVSP (30%)	
18.	Bài giảng E-learning (cấp độ 2) học phần Luật Hôn nhân và gia đình.	TS. Phạm Thị Thúy Liễu, Giảng viên Khoa Luật kinh tế (50%); TS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Giảng viên Khoa Luật kinh tế (50%)	
19.	Bài giảng E-learning (cấp độ 2) học phần Luật Thương mại dành cho hệ đào tạo từ xa (mã học phần LAW31011).	TS. Phan Nữ Hiền Oanh, Giảng viên Khoa Luật kinh tế (100%)	

b

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
20.	Giáo trình Luật Tài chính Việt Nam.	TS. Hồ Thị Hải, Giảng viên Khoa Luật KT (35%); ThS. Nguyễn Mai Ly, Giảng viên Khoa Luật KT (35%); ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhật, Giảng viên Khoa Luật KT (30%)	
21.	Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần “Di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh Việt Nam”.	TS. Nguyễn Hồng Vinh, Phó Trưởng Khoa Du lịch và Công tác xã hội (80%)	
22.	Giáo trình Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo.	TS. Nguyễn Thị Lê Vinh, Giảng viên Khoa Chính trị và Báo chí (35%)	
23.	Nghiên cứu xây dựng các CLB học thuật và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên chuyên ngành Khoa GDTC Trường Đại học Vinh.	TS. Văn Đình Cường, Giảng viên khoa Thể dục (80%)	
24.	Bồi dưỡng HSG Tỉnh môn Tin học.	Bùi Thị Lý, Giáo viên Trường PT THSP	
25.	Một số biện pháp quản lý quá trình dạy và học ở trường phổ thông.	TS. Phan Xuân Phồn, Hiệu trưởng (100 %)	
26.	Một số biện pháp vận dụng phương pháp giáo dục STEAM vào thiết kế một số hoạt động tạo hình cho trẻ 5-6 tuổi.	CN. Trần Thị Thanh Xuân, Giáo viên mầm non (100%)	
27.	Một số biện pháp tạo hứng thú cho trẻ 5-6 tuổi trong hoạt động học tại trường mầm non.	CN. Nguyễn Thị Thanh Dung, Tổ trưởng Tổ MN1 (100%)	
28.	Một số biện pháp thực hiện tốt chuyên đề đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non tại nhóm lớp.	CN. Đinh Thị Hằng, Tổ trưởng tổ MN3 (100%)	
29.	Một số biện pháp áp dụng giáo dục Steam trong tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ tại lớp mẫu giáo 3 tuổi C1 trường mầm non Thực hành Đại Học Vinh.	CN. Nguyễn Thị Bé, Giáo viên mầm non (100%)	
30.	Một số biện pháp giáo dục kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục cho trẻ 5-6 tuổi.	CN. Nguyễn Thị Châu, Giáo viên mầm non (100%)	
31.	Một số biện pháp chỉ đạo ứng dụng phương pháp giáo dục Steam trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non.	ThS. Nguyễn Thị Bích Lê, Hiệu trưởng (100%)	
32.	Đổi mới phương pháp tổ chức trò chơi cho trẻ 5 - 6 tuổi.	CN. Nguyễn Thị Huyền, Giáo viên (100%)	
33.	SGK Toán 11 và Chuyên đề học tập Toán 11.	TS. Phạm Xuân Chung, Hiệu trưởng (100%)	
34.	Phân loại và phương pháp giải nhanh bài tập hoá học 11.	TS. Quách Văn Long, Giáo viên (100%)	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
35.	Bồi dưỡng năng khiếu Vật lý cho học sinh thông qua dạy học chuyên đề “Đường truyền của tia sáng trong môi trường có chiết suất thay đổi”.	TS. Thái Đình Trung, Giáo viên (100%)	
36.	Thiết kế, thi công hệ thống bài giảng và bài tập hướng dẫn học sinh học vật lý bằng tiếng anh.	ThS. Hồ Hải Quang, Giáo viên (100%)	
37.	Bồi dưỡng HSG Cấp Quốc gia Môn Ngữ văn	Nguyễn Khánh Ly, Giáo viên	
38.	Bồi dưỡng HSG Cấp Quốc gia Môn Sinh học	Hoàng Thị Quỳnh Như, Giáo viên	
39.	Bồi dưỡng HSG Cấp Quốc gia Môn Toán	Phan Việt Bắc, Giáo viên	
40.	Bồi dưỡng HSG Cấp Quốc gia Môn Tin học	Nguyễn Đức Toàn, Giáo viên	
41.	Bồi dưỡng HSG Cấp Quốc gia Môn Hoá học	Quách Văn Long, Giáo viên	
42.	Bồi dưỡng HSG Cấp Quốc gia Môn Vật lý	Trần Mạnh Hùng, Giáo viên	
43.	Phương pháp số và Phân tích số liệu.	PGS.TS. Nguyễn Văn Phú, Trưởng phòng Đào tạo SDH (70%)	
44.	Sách tham khảo Bài tập phát triển năng lực tiếng Anh 7 - Friends Plus (2022, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội).	ThS. Đặng Thị Nguyên, Phó trưởng BM Phương pháp Giảng dạy tiếng Anh (40%)	
45.	Xây dựng bài giảng điện tử học phần Ngữ âm_ Âm vị tiếng Anh mức độ 2.	ThS. Võ Thị Hồng Minh, Phó Trưởng Bộ môn Lý thuyết Tiếng Anh (80%) (1)	
46.	Đề án mở ngành đào tạo Quốc tế học trình độ đại học.	TS. Nguyễn Thị Kim Anh, Trưởng khoa (30%); TS. Nguyễn Duy Bình, Trưởng Bộ môn (30%)	
47.	Xây dựng hệ thống học liệu điện tử môn Ngữ pháp cho đào tạo trình độ đại học từ xa tại trường Đại học Vinh.	ThS. Nguyễn Thị Lam Giang, Giảng viên (45%); ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Giảng viên (35%)	
48.	Xây dựng bài giảng điện tử học phần Từ vựng-Ngữ nghĩa Tiếng Anh - mức độ 2.	ThS. Võ Thị Hồng Minh, Phó Trưởng Bộ môn Lý thuyết Tiếng Anh (50%) (2); ThS. Phan Thị Hương, Giảng viên (30%)	

Danh sách có 48 sáng kiến./.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2023

Lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học

(Kèm theo Công văn số 1484 /QĐ-ĐHV ngày 01 /12/2023 của Trường Đại học Vinh)

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
1.	Phát triển kinh tế số ở Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Mỹ Hương, Giảng viên Khoa Giáo dục Chính trị (40%) (1); PGS.TS. Đinh Trung Thành, Giám đốc TT GDTX (30%)	
2.	Đề xuất chính sách cho Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giáo dục Việt - Lào trong bối cảnh phát triển Tiểu vùng Sông Mê Kông.	TS. Nguyễn Thị Mỹ Hương, Giảng viên Khoa Giáo dục Chính trị (30%) (2)	
3.	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam (EVFTA) về Doanh nghiệp xuất khẩu nông sản tại Việt Nam.	TS. Trần Cao Nguyên, Phó Trưởng khoa, khoa GDCT (30%) (1)	
4.	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực miền núi Việt Nam.	TS. Trần Cao Nguyên, Phó Trưởng khoa, khoa GDCT (40%) (2)	
5.	Đề xuất quy trình dạy học viết văn bản thông tin cho học sinh phổ thông dựa trên cách tiếp cận tiến trình - thể loại.	ThS. Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, Giảng viên Khoa Ngữ văn (100%) (1)	
6.	Thiết kế và xây dựng nguồn học liệu đa phương tiện trong dạy học viết văn bản thông tin cho học sinh phổ thông.	ThS. Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, Giảng viên Khoa Ngữ văn (40%) (2)	
7.	Phổ siêu liên tục băng thông rộng với công suất thấp trong sợi tinh thể quang tử lõi toluen mạng vuông với đường kính lỗ khí khác nhau.	PGS.TS. Chu Văn Lanh, Trưởng khoa Vật lý (70%)	
8.	Tạo vật liệu chiết suất âm trong miền quang học dựa vào hiệu ứng trong suốt cảm ứng điện từ.	PGS.TS. Lê Văn Đoàn, GVCC, khoa Vật lý (50%)	
9.	Tác động của việc tự đánh giá trực tuyến đối với Kết quả học tập và kỹ năng tự đánh giá của học sinh lớp 11 ở Việt Nam.	TS. Nguyễn Thị Nhị, Phó Trưởng khoa Vật lý (40%)	

Handwritten signature/initials in blue ink.

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
10.	Phương pháp lời hóa trong thiết lập luật số lớn theo hội tụ Mosco đối với mảng tam giác các biến ngẫu nhiên đa trị và biến ngẫu nhiên mờ phụ thuộc hoán đổi được theo hàng.	TS. Dương Xuân Giáp, Phó Trưởng khoa, Khoa Toán (50%)	
11.	The quasi-reversibility method for an inverse source problem for time-space fractional parabolic equations.	PGS.TS. Nguyễn Văn Đức, Giảng viên Khoa Toán (40%)	
12.	Central exponents of Linear stochastic differential-algebraic equations of index 1.	TS. Nguyễn Thị Thế, Giảng viên Khoa Toán (100%)	
13.	Vận dụng dạy học chương trình hóa và mô hình lớp học đảo ngược vào dạy học nội dung Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ ở lớp 10.	PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng, Phó Trưởng khoa Toán (40%)	
14.	Chemical Compositions and Antimicrobial Activities of Essential Oils from the the leaves and rhizomes of Meistera cristatissima from Vietnam.	TS. Nguyễn Thị Việt, Giảng viên Khoa Sinh học (40%)	
15.	Đánh giá tài nguyên du lịch phục vụ phát triển du lịch huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	TS. Nguyễn Thị Hoài, Phó Trưởng khoa Địa lý (50%)	
16.	Các yếu tố ảnh hưởng đến cam kết lâu dài của giáo viên tiểu học đối với Giáo dục Toán học Thực tế.	TS. Nguyễn Thị Châu Giang, Phó trưởng khoa GDTH (60%) (1); TS. Phạm Thị Hải Châu, Giảng viên khoa GDTH (40%)	
17.	Các yếu tố quyết định của giáo viên tiểu học về dạy học tích hợp dạy học toán thực tế.	TS. Nguyễn Thị Châu Giang, Phó trưởng khoa GDTH (60%) (2)	
18.	Mối tương quan giữa các nhân tố tác động đến năng lực giải quyết vấn đề của học sinh tiểu học.	ThS. Thái Thị Đào, Giảng viên khoa GDTH (30%); ThS. Phan Anh Tuấn, Giảng viên khoa GDTH (30%)	
19.	The impact of brand image on public university links in the context of autonomy: A case study in Vietnam.	TS. Trần Quang Bách, Phó Trưởng khoa, Khoa Quản trị kinh doanh (50%)	
20.	Impacts of social responsibility on customers' switching behavior in using products and services: The case of small and medium enterprises in Vietnam. International Journal of Data and Network Science ISSN: 2561-8156 (Online) - ISSN 2561-8148 (Print). Scopus (IF:0.37, Q2).	TS. Hồ Thị Diệu Ánh, Trưởng khoa, Khoa QTKD (100%)	

d

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
21.	Ảnh hưởng của hành vi lãnh đạo hướng con người tới sự hài lòng của nhân viên - nghiên cứu tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	TS. Trần Thị Lê Na, Phó Trưởng khoa, Khoa Quản trị kinh doanh (50%)	
22.	Vận dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế về báo cáo tài chính tại Việt Nam.	TS. Đường Thị Quỳnh Liên, Giảng viên, Khoa Kế toán (100%)	
23.	Ghi nhận doanh thu theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.	TS. Nguyễn Thị Thanh Hòa, Phó Trưởng Khoa Kế toán (100%)	
24.	Territorial Marketing Impacts on Foreign Direct Investment Attraction (Empirical Evidence in Nghe An Province, Vietnam) - Marketing lãnh thổ tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (Bằng chứng thực nghiệm tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam).	TS. Bành Thị Thảo, TLĐT, Khoa TCNH (30%); TS. Hoàng Thị Việt, TLĐT, Khoa TCNH (30%); ThS. Đoàn Thị Ngọc Hân, Giảng viên, Khoa TCNH (30%)	
25.	The impact of feminism on bank performance: the case of Vietnam - Tác động của chủ nghĩa nữ quyền đến kết quả hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam.	TS. Trịnh Thị Hằng, Giảng viên, Khoa TCNH (30%); TS. Nguyễn Thị Yến, Giảng viên, Khoa TCNH (40%); TS. Đặng Thành Cương, Trưởng khoa, Khoa TCNH (30%) (1)	
26.	Factors affecting collaboration in agricultural supply chain: A case study in the North Central region of Vietnam - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hợp tác trong chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp: trường hợp nghiên cứu tại khu vực Bắc Trung Bộ, Việt Nam	TS. Đặng Thành Cương, Trưởng khoa, Khoa TCNH (30%) (2); TS. Hồ Thị Diệu Ánh, Trưởng khoa, khoa QTKD (30%) (2); TS. Trần Văn Hào, Giảng viên khoa QTKD (30%)	
27.	Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình: thực trạng và một số giải pháp	TS. Nguyễn Thị Hải Yến, Giảng viên Khoa Kinh tế (70%)	
28.	Phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Nghệ An.	TS. Nguyễn Thị Bích Liên - Chủ tịch công đoàn Trường Kinh tế (70%); TS. Trần Thị Thanh Thủy - Giảng viên khoa Kinh tế (30%)	
29.	The role of eco-innovation, eco-investing, and green bonds in achieving sustainable economic development: evidence from	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Phượng, Phó hiệu trưởng Trường Kinh tế (40%) (1)	

b

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
	Vietnam, Economic Research-Ekonomska Istraživanja, 2023, Vol. 36, No. 2, 2169839 Q2)		
30.	Phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Phượng, Phó hiệu trưởng Trường Kinh tế (50%) (2)	
31.	Ảnh hưởng của hợp tác chuỗi cung ứng đối với phát triển kinh tế nông nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số: nghiên cứu trường hợp tại Việt Nam.	TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh, giảng viên Khoa Kinh tế (35%) (2); PGS.TS Đỗ Thị Phi Hoài, giảng viên Khoa QTKD (30%); PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Phượng, Phó hiệu trưởng Trường Kinh tế (30%) (3)	
32.	Mobilizing investment capital through public - private partnership for tourism development in Nghe An province. (Huy động vốn đầu tư thông qua hợp tác công tư cho phát triển du lịch ở tỉnh Nghệ An). Bài báo khoa học đăng trên tạp chí Journal of finance& accounting research, No.03(22)-2023.	NCS. ThS. Nguyễn Thanh Huyền, Bí thư đoàn Trường Kinh tế (100%)	
33.	Hoàn thiện pháp luật về kiểm dịch thực vật dưới tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	TS Phạm Thị Huyền Sang, Giảng viên Khoa Luật kinh tế (60%); TS Trần Thị Vân Trà, Giảng viên Khoa Luật kinh tế (40%)	
34.	Báo cáo nghiên cứu Chỉ số xanh cấp tỉnh năm 2022 là một phần của dự án chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI.	TS Hồ Thị Duyên, Phó Trưởng khoa Khoa Luật kinh tế, (80%) (1)	
35.	Quyền được tiếp cận nước sạch của trẻ em - Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thực hiện. (tạp chí Pháp luật về quyền con người đăng trên số 1 năm 2023 - Chỉ số ISSN 2615-899X).	TS. Hồ Thị Duyên Phó Trưởng khoa Khoa Luật kinh tế, (60%) (2)	
36.	Chemical constituents obtained from rhizomes of Alpinia blepharocalyx K. Schum. and their anti-inflammatory properties.	TS. Nguyễn Tân Thành, Phó Viện trưởng, Viện CNHS-MT (30%); ThS. Nguyễn Thị Huyền, Giảng viên, Viện CNHS-MT (30%)	
37.	Experimental study of supercontinuum generation in water-filled-cladding photonic crystal fiber in visible and near-infrared region (Thực nghiệm phát siêu liên tục trên sợi tinh thể	TS. Hồ Đình Quang, Trợ lý đào tạo, Viện CNHS-MT (40%)	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
	quang tử bơm nước vào lớp phủ trong vùng ánh sáng nhìn thấy và hồng ngoại gần).		
38.	Phương pháp sản xuất chế phẩm nano đồng hữu cơ (Organocopper) phòng trị bệnh hại trên cây trồng.	TS. Lê Thế Tâm, Trưởng bộ môn Điều dưỡng - Hóa dược (50%) (1); ThS. Lê Thị Thu Hiệp, PGĐ Trung tâm THTN (30%)	
39.	Quy trình tạo màng bảo quản phức hợp chitosan-nano bạc bằng phương pháp hóa học xanh sử dụng dịch chiết thực vật, ứng dụng trong bảo quản nông sản sau thu hoạch.	ThS. Trần Phương Chi, Giảng viên Bộ môn CNTP (40%); TS. Lê Thế Tâm, Trưởng bộ môn Điều dưỡng - Hóa dược (30%) (2); TS. Đào Thị Thanh Xuân, Giảng viên Bộ môn CNTP (30%)	
40.	Diễn biến gây hại và thử nghiệm biện pháp phòng trừ sâu vẽ bùa (<i>Phyllocnistis citrella</i> Stainton) hại cam tại Nghệ An.	TS. Thái Thị Ngọc Lam, Giảng viên Viện NN&TN (50%)	
41.	Nghiên cứu mùa vụ sinh sản của cá Măng sữa (<i>Chanos chanos</i> Forsskal, 1775).	TS. Tạ Thị Bình, Giảng viên, Viện NN&TN (44,45%)	
42.	Unifying the Regional Height System Using Optic-Fiber Clock Network: A Simulation Test for Southeast Asia.	TS. Hoàng Anh Thế, Giảng viên, Viện NN&TN (50%)	
43.	Land price regression model and land value region map to support residential land price management: a study in Nghe An province, Viet Nam	TS. Phạm Thị Hà, Giảng viên, Viện NN&TN (60%)	
44.	Nghiên cứu tạo vắc xin vô hoạt phòng bệnh hoại tử thần kinh trên cá mú (<i>Epinephelus</i> sp.) quy mô phòng thí nghiệm	TS. Lê Minh Hải, Phó viện trưởng, Viện NN&TN (80%)	
45.	An Improved AdaBoost Algorithm for Highly Imbalanced Datasets in the Co-Authorship Recommendation Problem.	PGS.TS. Hoàng Hữu Việt, Phó Viện trưởng, Viện KT&CN (30%)	
46.	Improved performance for antenna based on a combination of fractal geometry with CSRR (Cải thiện hiệu suất cho ăng-ten dựa trên sự kết hợp hình học fractal với CSRR).	TS. Cao Thành Nghĩa, Giảng viên Viện KT&CN (50%)	
47.	Filtered-x Set Membership Algorithm With Time-Varying Error Bound for Nonlinear Active Noise Control.	TS. Lê Đình Công, TBM, Giảng viên (70%)	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
48.	Ho Chi Minh's Thoughts On Control Of The State's Power And Lessons For Vietnam. The Journal for Educators, Teachers and Trainers (JETT) Vol. 13 (4); ISSN: 1989-9572	PGS.TS. Đinh Trung Thành, Giám đốc TT GDTX (40%)	
49.	Nghiên cứu và cài đặt thử nghiệm hệ thống nhận dạng chữ số viết tay sử dụng mạng nơ-ron.	ThS. Nguyễn Thị Nhã, Tổ trưởng, TTTH - Thí nghiệm (100%)	
50.	Hợp tác quốc tế về an ninh nguồn nước ở Sông Mê Công và các biện pháp đối phó của Việt Nam (International Cooperation on Water Security in the Mekong River and Vietnam's Countermeasures).	TS. Nguyễn Anh Chương , Thư kí HĐT (70%)	
51.	Tác động của cơ cấu vốn đến khả năng sinh lời của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Phân tích phi tuyến tính	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Cúc, Phó Hiệu trưởng (40%); TS. Hồ Thị Diệu Ánh, Trưởng khoa QTKD (30%) (3); TS. Nguyễn Thị Bích Thủy, Phó Trưởng khoa TCNH (30%)	
52.	Quản lý hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo thạc sỹ ngành LL&PPDHBM ở Trường Đại học Vinh theo tiếp cận mục tiêu và chuẩn đầu ra”	TS. Nguyễn Đình Huy, Phó giám đốc TT KĐCLGD	
53.	An Empirical Heuristic Algorithm for Solving the Student-Project Allocation Problem with Ties (Một thực nghiệm giải thuật Heuristic cho bài toán phân công đồ án sinh viên kết hợp thứ tự ưu tiên ngang bằng nhau (ties).	TS. Cao Thanh Sơn, Phó giám đốc TT NC và chuyển giao công nghệ GD số (40%)	
54.	Dự đoán khả năng chịu cắt của dầm RC được gia cường bằng FRCC tổng hợp sử dụng mô hình lai ANN-PSO.	TS Nguyễn Duy Duẩn, Trưởng BM xây dựng (40%); PGS.TS Trần Ngọc Long, Trưởng khoa (30%); TS. Nguyễn Trọng Hà, P. Trưởng Khoa (30%)	
55.	Phân tích độ nhạy tổng thể của các tham số kết cấu lên độ tin cậy của dầm cầu trục bằng thép trong nhà công nghiệp.	TS. Nguyễn Trọng Hà, P. Trưởng khoa (40%); PGS.TS Trần Ngọc Long, Trưởng khoa (30%); TS Lê Thanh Hải, P.Trưởng khoa (30%)	

Danh sách có 55 sáng kiến./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2023

Lĩnh vực: Lãnh đạo, quản lý, tham mưu, phục vụ

(Kèm theo Công văn số 1482 /QĐ-ĐHV ngày 01 /12/2023 của Trường Đại học Vinh)

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
1.	Triển khai hiệu quả Bộ quy tắc ứng xử văn hoá trong trường học.	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo, Tổ trưởng tổ Hành chính Trường Sư phạm (100%)	
2.	Sử dụng nguồn lực tài trợ của Hội đồng Anh nhằm nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên sư phạm và thúc đẩy hợp tác quốc tế của Trường ĐH Vinh.	TS. Lê Quang Vượng, Trưởng khoa Sinh học (80%)	
3.	Góp ý xây dựng chính sách pháp luật cho đoàn đại biểu Quốc hội Nghệ An, Tham gia tư vấn, trả lời phóng sự trên đài truyền hình tỉnh Nghệ An, báo pháp luật.	TS. Đinh Văn Liêm, Trưởng khoa Luật học	
4.	Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 với Quy trình quản lý hoạt động rèn luyện của người học.	ThS. Nguyễn Hồng Soa, Trưởng phòng (40%) (1); ThS. Mai Xuân Nguyên, Phó trưởng phòng (30%); ThS. Võ Thị Hải Huyền, Chuyên viên (30%)	
5.	Hướng dẫn tổ chức đại hội lớp - chi đoàn - chi hội tại Trường Đại học Vinh	ThS. Nguyễn Hồng Soa, Trưởng phòng (30%) (2); ThS. Nguyễn Thị Hà Giang, Phó trưởng phòng (40%); ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiền, Chuyên viên (30%)	
6.	Quy trình Quản lý in văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ngắn hạn.	TS. Lê Minh Giang, Phó trưởng phòng HCTH (40%); TS. Đinh Phan Khôi, Trưởng phòng HCTH (30%); ThS. Lương Hồng Phong, Phó Trưởng phòng HCTH (30%)	
7.	Quy định hoạt động của các Nhóm Zalo trong điều hành, quản lý, trao đổi công việc tại Trường Đại học Vinh.	ThS. Hoàng Hà Nam, Trưởng Bộ phận Truyền thông (100%)	

h

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
8.	Xây dựng Quy chế tổ chức và vận hành Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh.	TS. Đỗ Mai Trang, Chuyên viên, (40%); PGS.TS. Mai Văn Chung, Trưởng phòng (35%)	
9.	Xây dựng Quy định về quản lý và sử dụng phần mềm quản lý xuất bản Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh.	TS. Phan Văn Tiến, Phó trưởng phòng (40%); ThS. Lê Tuấn Dũng, Chuyên viên (30%)	
10.	Quy trình quản lý chất lượng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 về lĩnh vực quản lý tài sản công Trường Đại học Vinh.	ThS. Trần Đình Luân, Trưởng phòng QT&ĐT (30%); ThS. Lê Văn Quý, Phó trưởng phòng QT&ĐT (55%)	
11.	Rút ngắn thời gian lập hồ sơ dự thầu trong việc tham dự thầu các gói thầu dịch vụ phi tư vấn.	ThS. Thái Minh Phúc, Chuyên viên phòng QT&ĐT (100%)	
12.	Lợi ích của Bảo hiểm y tế và biện pháp nâng cao tỉ lệ học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế - Trường Đại học Vinh	BS. Nguyễn Thị Hiến, Phó Trạm Y tế (85%)	
13.	Quy trình phúc khảo điểm.	ThS. Nguyễn Thị Hương Trà, Phó Giám đốc TT ĐBCL (40%) (1); ThS. Lê Việt Dũng, Chuyên viên TT ĐBCL (30%); ThS. Nguyễn Thị Kim Nhung, Chuyên viên TT ĐBCL (30%)	
14.	Quy trình khảo thí.	ThS. Nguyễn Thị Hương Trà, Phó Giám đốc TT ĐBCL (100%) (2)	
15.	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ở Trường Đại học Vinh.	ThS. Đinh Thị Nga, Chuyên viên TT ĐBCL (60%); PGS.TS. Hoàng Phan Hải Yến, GVCC (40%)	
16.	Xây dựng Quy định và triển khai các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Vinh.	- PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Cúc, Phó Hiệu trưởng - VP Đảng - HĐT - ĐT (40%) (2); ThS. Lê Công Đức (30%), GĐ TT HTSV&QHDN (1); ThS. Đoàn Văn Minh (30%), Phó GĐ TT HTSV&QHDN (1)	
17.	Quy trình Quản lý đào tạo đại học VLVH	PGS.TS. Đinh Trung Thành, Giám đốc TTGD TX (45%) (3); ThS. Nguyễn Năng Hùng, Chuyên viên TTGD TX (55%)	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
18.	Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy chữa cháy tại Ký túc xá trường Đại học Vinh.	ThS. Phạm Thị Hoài Thanh, Giám đốc Trung tâm Nội trú (70%); ThS. Đặng Ngọc Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm Nội trú (30%)	
19.	Phụ lục Quy chế dùng chung của bản thuyết minh Dự án Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung khu vực Bắc, Trung Nam.	ThS. Nguyễn Thế Tân, P. Giám đốc Trung tâm THPTN (100%)	
20.	Quy trình quản lý đào tạo đại học chính quy tại Trường Đại học Vinh.	ThS. Hồ Xuân Thủy, Chuyên viên Phòng Đào tạo (60%); TS. Hoàng Vĩnh Phú, Trưởng phòng, Phòng Đào tạo (40%)	
21.	Cải tiến công tác tổ chức tuyển sinh đại học chính quy tại Trường Đại học Vinh năm 2023.	ThS. Lê Khắc Phong, Chuyên viên Phòng Đào tạo (40%); TS. Đào Quang Thắng, Chuyên viên Phòng Đào tạo (30%); TS. Nguyễn Thành Vinh, Phó trưởng phòng Phòng Đào tạo (30%)	
22.	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch, đăng kí học và xử lý học vụ cho sinh viên ĐHCQ tại Trường Đại học Vinh.	ThS. Thái Thanh Tịnh, Chuyên viên Phòng Đào tạo (40%); ThS. Bùi Tuấn An, Chuyên viên Phòng Đào tạo (30%); TS. Nguyễn Lê Ái Vĩnh, Phó trưởng phòng Phòng Đào tạo (30%)	
23.	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác Thực tập tốt nghiệp của sinh viên trường Đại học Vinh.	TS. Phan Anh Hùng, chuyên viên Phòng Đào tạo (50%); ThS. Nguyễn Thanh Lam, chuyên viên Phòng Đào tạo (50%)	
24.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đội ngũ chuyên viên tổ chức, cán bộ trường đại học công lập	ThS. Nguyễn Thị Xuân Lộc, Phó Trưởng phòng, Phòng TCCB (100%) (1)	
25.	Phát triển đội ngũ chuyên viên tổ chức cán bộ trường đại học công lập là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.	ThS. Nguyễn Thị Xuân Lộc, Phó Trưởng phòng, Phòng TCCB (100%) (2)	
26.	Quy trình tổ chức các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn qua đấu thầu và Quy trình tổ chức các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn qua đấu thầu không qua đấu thầu.	TS. Nguyễn Anh Dũng, Viện trưởng Viện NC&ĐTTT (30%); TS. Tăng Thanh Sang, Phó Viện trưởng NC&ĐTTT (30%); TS. Phạm Thị Hương, Giám đốc TT QL&PT Học liệu (30%)	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
27.	Quy trình Quản lý đào tạo đại học hệ từ xa theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.	TS. Vũ Chí Cường, Phó Viện trưởng Viện NC&ĐTTT (30%); TS. Nguyễn Bá Hoành, Phó Trưởng khoa ĐTTT (30%); TS. Nguyễn Công Thành, Giám đốc TT CGCNGDS (30%)	
28.	Hệ thống đăng ký thu hồ sơ, lệ phí và xét tuyển sinh trực tuyến hệ đại học chính quy Trường Đại học Vinh.	ThS. Hà Minh Hải, Chuyên viên Viện NC&ĐTTT (50%)	
29.	Công tác phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong công tác HSSVHVNCS của trường Đại học Vinh.	TS. Đặng Thị Thu, Trưởng phòng TTr-PC (70%)	
30.	Rà soát, bổ sung nội dung và xây dựng mới văn bản quản lý nội bộ năm 2023.	TS. Đặng Thị Thu, Trưởng phòng TTr-PC (50%); Nguyễn Tài Toàn, chuyên viên phòng TTr-PC (50%)	
31.	Tối ưu hóa thu học phí qua chuyển khoản ngân hàng kết nối với phần mềm quản lý Hệ ĐTTX.	ThS. Nguyễn Công Hoàng, Phó Trưởng Phòng (40%); ThS. Trần Thị Việt Anh, Chuyên viên (40%)	
32.	Hoàn thiện phần mềm và cổng thanh toán phục vụ thu học phí trực tuyến đối với Hệ VLVH	ThS. Đinh Thế Phú, Phó Trưởng Phòng (40%); ThS. Nguyễn Thị Trà Giang, Chuyên viên (40%)	

Danh sách có 32 sáng kiến./.